BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2023/TT-BTTTT *Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

THÔNG TƯ

Ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Ngưng hiệu lực thi hành

1. Ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại điểm 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3, 1.1.4, 1.1.5, 1.1.6, 1.1.8, 1.1.9, 1.1.10, 1.1.11, 1.1.12, 1.1.14, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông với nội dung chi tiết tại Phụ lục I của Thông tư này.

2. Ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại điểm 3.1.1, 3.2.1, 3.2.2, 3.3.1, 3.3.2, 3.3.3, 3.3.4, 3.3.5, 3.3.6, 3.3.8, 3.3.9, 3.3.10, 3.3.11, 3.3.12, 3.3.13, 3.3.14, 3.3.15, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông với nội dung chi tiết tại Phụ lục II của Thông tư này.

3. Thời gian ngưng hiệu lực đối với điểm 1.1.1, 1.1.2, 1.1.10, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 tại Phụ lục I của Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Thời gian ngưng hiệu lực đối với điểm 1.1.3, 1.1.4, 1.1.5, 1.1.6, 1.1.8, 1.1.9, 1.1.11, 1.1.12, 1.1.14 tại Phụ lục I và điểm 3.1.1, 3.2.1, 3.2.2, 3.3.1, 3.3.2, 3.3.3, 3.3.4, 3.3.5, 3.3.6, 3.3.8, 3.3.9, 3.3.10, 3.3.11, 3.3.12, 3.3.13, 3.3.14, 3.3.15, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 tại Phụ lục II của Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đang trong quá trình thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này để nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh từ thời điểm ngày 15 tháng 7 năm 2023 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực được áp dụng thực hiện theo Thông tư này.

2. Trong thời gian ngưng hiệu lực:

Các tổ chức, cá nhân liên quan đến sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này không phải thực hiện thủ tục chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực.

3. Hết thời gian ngưng hiệu lực:

a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT.

b) Đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này, đã có giấy chứng nhận hợp quy theo quy định Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT trong thời gian ngưng hiệu lực của Thông tư này, thì giấy chứng nhận hợp quy vẫn còn giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn ghi trong giấy chứng nhận.

c) Đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 1 Thông tư này, đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng trong thời gian ngưng hiệu lực, nếu tiếp tục sản xuất hoặc nhập khẩu thì phải được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy bổ sung đối với các nội dung quy chuẩn kỹ thuật đã ngưng hiệu lực, hoặc phải được chứng nhận hợp quy lại, công bố hợp quy với đầy đủ quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp chứng nhận hợp quy bổ sung, thời hạn của giấy chứng nhận hợp quy được cấp bằng thời hạn còn lại của giấy chứng nhận đã được cấp.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT NGƯNG HIỆU LỰC CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
1	**Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz**			
1.1	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất			
1.1.1	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất	8517.13.00 8517.14.00	QCVN 117:2020/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
		8517.62.59		
1.1.2	Thiết bị đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G)	8517.13.00 8517.14.00	QCVN 127:2021/BTTTT và QCVN 129:2021/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT	Toàn bộ
		8517.62.59		
1.1.3	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM	8517.61.00	QCVN 41:2016/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.4	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	8517.61.00	QCVN 16:2018/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.5	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA FDD	8517.61.00	QCVN 110:2017/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.6	Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G)	8517.61.00	QCVN 128:2021/BTTTT	Toàn bộ
			QCVN 18:2022/BTTTT	Toàn bộ

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
1.1.8	Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD	8517.62.59	QCVN 66:2018/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.9	Thiết bị lặp thông tin di động E-UTRA FDD	8517.62.59	QCVN 111:2017/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.10	Thiết bị lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G)	8517.62.59	QCVN 18:2022/BTTTT	Toàn bộ
1.1.11	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN)	8517.61.00 8517.62.43 8517.62.59 8517.62.69 8517.62.99 8517.69.00	- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 920 MHz - 923 MHz: + Đối với thiết bị có công suất phát đến 25 mW ERP QCVN 122:2020/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đối với phạm vi sử dụng trên ô tô
		9015.10.90		
		9025.19.19		
		9025.80.00		
		9027.89.90		
		8531.10.30 8531.90.90		
		8517.14.00	- Cho thiết bị đầu cuối IoT băng hẹp E-UTRA: QCVN 131:2022/BTTTT	Các yêu cầu độ nhạy bức xạ tổng máy thu (TRS) và công suất bức xạ tổng (TRP)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
1.1.12	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự	8517.14.00	QCVN 37:2018/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
1.1.14	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu (và thoại)	8517.62.59	QCVN 44:2018/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
2.1	Thiết bị điện thoại không dây loại kéo dài thuê bao vô tuyến DECT	8517.11.00	IEC 62368-1:2018	Các yêu cầu kỹ thuật của IEC 62368-1:2018 nằm ngoài QCVN 132:2022/BTTTT
2.2	Thiết bị phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	8517.62.59 8517.62.69	QCVN 55:2011/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
2.3	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW	8517.62.51 8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00 8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	QCVN 54:2020/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
2.4	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW trở lên	8517.62.51 8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00 8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	QCVN 65:2021/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT NGƯNG HIỆU LỰC CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA BẮT BUỘC PHẢI CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
3	**Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz và có công suất phát từ 60 mW trở lên**			
3.1	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất			
3.1.1	Thiết bị vi ba số	8517.62.59	- Cho thiết bị vi ba số điểm - điểm dải tần từ 1,4 GHz đến 55 GHz: QCVN 53:2017/BTTTT	Các yêu cầu đối với ăng ten và các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
3.2	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị di động dùng trong hàng hải và hàng không)			
3.2.1	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần C	8517.62.59	QCVN 38:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.2.2	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần Ku	8517.62.59	QCVN 39:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ di động hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)			
3.3.1	Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS	8517.62.53 8517.62.59	QCVN 24:2011/BTTTT	Toàn bộ

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
3.3.2	Thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn	8517.18.00	QCVN 26:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.3	Thiết bị Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển	8517.62.59	QCVN 28:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.4	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên phương tiện cứu sinh	8517.18.00	QCVN 50:2020/BTTTT	Toàn bộ
3.3.5	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	8526.91.10	QCVN 57:2018/BTTTT	Toàn bộ
3.3.6	Phao chỉ báo vị trí cá nhân hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	8526.91.10	QCVN 108:2016/BTTTT	Toàn bộ
		8526.91.90		
3.3.8	Thiết bị gọi chọn số DSC	8517.62.59	QCVN 58:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.9	Bộ phát đáp Ra đa tìm kiếm và cứu nạn	8517.62.59	QCVN 60:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.10	Thiết bị Radiotelex sử dụng trong nghiệp vụ MF/HF hàng hải	8517.62.59	QCVN 62:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.11	Thiết bị trong hệ thống nhận dạng tự động (AIS) sử dụng trên tàu biển	8526.91.10	QCVN 68:2013/BTTTT	Toàn bộ

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Quy chuẩn kỹ thuật	Nội dung quy chuẩn kỹ thuật ngưng hiệu lực
3.3.12	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn	8517.62.53	QCVN 107:2016/BTTTT	Toàn bộ
3.3.13	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng cho nghiệp vụ di động hàng hải	8517.18.00	QCVN 52:2020/BTTTT	Toàn bộ
3.3.14	Thiết bị điện thoại vô tuyến MF và HF	8517.18.00	QCVN 59:2011/BTTTT	Toàn bộ
3.3.15	Thiết bị điện thoại vô tuyến UHF	8517.18.00	QCVN 61:2011/BTTTT	Toàn bộ
4	**Thiết bị phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn**			
4.1	Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	8517.62.59 8517.62.69	- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553 - 13,567 MHz: QCVN 55:2011/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
4.2	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	8523.52.00 8523.59.10	Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553 MHz - 13,567 MHz: QCVN 55:2011/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn
		8471.60.90		
4.3	Thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc đường sắt	8526.10.10 8526.10.90	Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 76 GHz - 77 GHz: QCVN 124:2021/BTTTT	Toàn bộ
4.4	Thiết bị sạc không dây	8504.40.19 8504.40.90	QCVN 55:2011/BTTTT	Các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn